



ONDEMAND

# Chuẩn bị cho Báo cáo Quyết toán (BCQT)

Tháng 2 năm 2025



# Nội dung

- 01 Tổng quan về BCQT
- 02 Các quy định và hướng dẫn liên quan
- 03 Mối quan hệ giữa các thông tin trình bày trên BCQT
- 04 Các bước và thông tin cần thiết
- 05 Khó khăn và vấn đề thường gặp



ONDEMAND

01

# Tổng quan về BCQT



ONDEMAND

# Diễn giả



## Vương Quang Thuận

Giám Đốc  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



## Nguyễn Nhật Linh

Giám Đốc  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



## Đào Thị Hồng Thắm

Trưởng phòng  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



## Lưu Diệu Linh

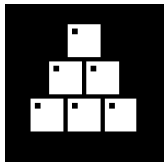
Trưởng phòng  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam

# Tổng quan về BCQT (1/4)



## Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL

Báo cáo Quyết toán nhập-xuất-tồn kho nguyên liệu, vật tư nhập khẩu



## Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL

Báo cáo Quyết toán nhập-xuất-tồn kho sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu



## Mẫu số 16/ĐMTT/GSQL

Định mức thực tế sản xuất sản phẩm xuất khẩu

# Tổng quan về BCQT (2/4)

Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân  
Địa chỉ  
Mã số thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

## BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP-XUẤT-TỒN KHO NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH...

Kỳ báo cáo: Từ ngày ..... đến ngày .....

STT	Mã nguyên liệu, vật tư	Tên nguyên liệu, vật tư	Đơn vị tính	Lượng NL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NL, VT nhập trong kỳ	Lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	$(11)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)$	(12)

(13) NGƯỜI LẬP  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(14) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

# Tổng quan về BCQT (3/4)

Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ

Mã số thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

## BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NHẬP - XUẤT - TỒN KHO SẢN PHẨM XUẤT KHẨU ĐƯỢC SẢN XUẤT TỪ NL, VT NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH....

Kỳ báo cáo: từ ngày      đến ngày

Stt	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Ghi chú
						Lượng sản phẩm thay đổi mục đích sử dụng, chuyển tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (5) + (6) - (7) - (8) - (9)	(11)

(12) NGƯỜI LẬP  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(13) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

# Tổng quan về BCQT (4/4)

Mẫu số 16/ĐMTT/GSQL

Tên tổ chức, cá nhân  
Địa chỉ  
Mã số thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

## ĐỊNH MỨC THỰC TẾ SẢN XUẤT SẢN PHẨM XUẤT KHẨU

Kỳ báo cáo: từ ngày .....đến ngày.....

Stt	Mã sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Đơn vị tính	Nguyên liệu, vật tư				Ghi chú
				Mã	Tên	Đơn vị tính	Lượng NL, VT thực tế sử dụng để sản xuất một sản phẩm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	SP A	Áo sơ mi	cái	VI	Vải 100% cotton	met	1,2	
				VI	Vải 100% cotton	met	0,3	X
				K	Dây kéo	cái	1	X
				P	Phần	viên		KXDĐM

(10) NGƯỜI LẬP  
(Ký, ghi rõ họ tên)

(11) NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



ONDEMAND

02

# Các quy định và hướng dẫn liên quan

# Các quy định và hướng dẫn liên quan

## 01

### Đối tượng nộp BCQT

- Tổ chức, cá nhân có hoạt động gia công, sản xuất xuất khẩu (bao gồm DNCX)

## 02

### Thời hạn nộp BCQT

- Chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính

## 03

### Nguyên tắc lập BCQT

- Quản lý và theo dõi nguyên liệu nhập khẩu từ khi nhập khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu
- Lập BCQT theo từng mã nguyên liệu, vật tư, mã sản phẩm đang theo dõi trong quản trị sản xuất và đã khai trên tờ khai hải quan

## 04

### Sửa đổi bổ sung BCQT

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp BCQT nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan ban hành quyết định kiểm tra BCQT: Không bị xử phạt VPHC
- Hết thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp BCQT hoặc sau khi cơ quan hải quan quyết định kiểm tra BCQT: xử phạt VPHC

# 03

**Mối quan hệ giữa  
các thông tin trình  
bày trên BCQT**

# Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL

STT	Mã NVL, VT	Tên NVL, VT	Đơn vị tính	Lượng NVL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NVL, VT nhập trong kỳ	Lượng NVL, VT nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NVL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	(12)
	Mã khai báo trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa mã quản trị và mã trên tờ khai, phải xây dựng và lưu giữ bảng quy đổi.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa hệ thống quản trị và tờ khai, phải xây dựng bảng quy đổi.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	Hàng nhập đã hoàn thành thủ tục hải quan.  Hàng đi trên đường chưa nhập kho tại cuối kỳ báo cáo.  Nhập lại kho khi dư thừa trên dây chuyền.  Lượng NVL, VT của DNCX không làm thủ tục hải quan.	NVL, VT nhập khẩu phải tái xuất.	NVL, VT nhập khẩu như chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa.  Tiêu hủy phải giải thích tại phần chú thích và có hồ sơ kèm theo.	NVL, VT thực tế đưa vào sản xuất.	NVL, VT xuất bù.  Xuất NVL, VT mà chưa chi tiết ở các cột còn lại.		Điền số/ ngày quyết định miễn thuế do thiên tai (nếu có)

# Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL

STT	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Ghi chú
						Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)	(11)
	Mã khai báo trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa mã quản trị và mã trên tờ khai, phải xây dựng và lưu giữ bảng quy đổi.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa hệ thống quản trị và tờ khai, phải xây dựng bảng quy đổi.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	Lượng sản phẩm trong kỳ nhập kho thành phẩm.  Sản phẩm xuất khẩu nhưng bị trả lại.	Không xuất khẩu được chuyển tiêu thụ nội địa, tiêu hủy.  Nếu tiêu hủy phải giải thích tại phần chú thích và có hồ sơ kèm theo.	Sản phẩm sản xuất từ nguồn nhập khẩu tự tế đã xuất kho để xuất khẩu.	Xuất để xuất khẩu nhưng chưa đăng ký tờ khai.  Xuất cho nghiên cứu sản phẩm.  Xuất mà chưa chi tiết ở các cột còn lại.		Điền số/ ngày quyết định miễn thuế do thiên tai (nếu có).

# Mẫu số 16/ĐMTT/GSQL (Sản xuất xuất khẩu)

STT	Mã sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu/nhập khẩu	Đơn vị tính	Nguyên liệu, vật tư				Ghi chú
				Mã	Tên	Đơn vị tính	Lượng NVL, VT thực tế sử dụng để sản xuất một sản phẩm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Mã khai báo trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa mã quản trị và mã trên tờ khai, phải xây dựng và lưu giữ bảng quy đổi.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa hệ thống quản trị và tờ khai, phải xây dựng bảng quy đổi.	Bao gồm cả nhập khẩu và mua trong nước – để sản xuất 1 sản phẩm.  Trường hợp NVL nhập khẩu, dùng mã khai báo trên tờ khai. Nếu khác nhau giữa mã quản trị và mã trên tờ khai, phải xây dựng và lưu giữ bảng quy đổi.		Đơn vị tính trên tờ khai.  Nếu khác nhau giữa hệ thống quản trị và tờ khai, phải xây dựng bảng quy đổi.	Lượng NVL thực tế để sử dụng để sản xuất sản phẩm xuất khẩu. Bao gồm NVL cấu thành thành phẩm và NVL, VT tiêu hao thành phế liệu, phế phẩm.	NVLmua trong nước điền "X".  NVL, VT nhập khẩu để trống.  VT không xây dựng được định mức điền "KXDDM".

**Tổng lượng NVL đưa vào sx – NVL thu hồi – NVL dở dang**

**Tổng lượng SP thu được tới thời điểm xác định định mức**

**Tổng lượng NVL dùng để sản xuất**

**Tổng lượng SP thu được**

**=**

**Định mức thực tế 1 đơn vị sản phẩm theo từng NVL**



ONDEMAND

04

# Các bước và thông tin cần thiết

# Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL (SXXK)

STT	Mã NVL, VT	Tên NVL, VT	Đơn vị tính	Lượng NVL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NVL, VT nhập trong kỳ	Lượng NVL, VT nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NVL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	(12)
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	E31 Nhập lại từ sản xuất.	B13	A42				
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Lượng cuối kỳ trước.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.						

# Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL (SXXK - DNCX)

STT	Mã NVL, VT	Tên NVL, VT	Đơn vị tính	Lượng NVL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NVL, VT nhập trong kỳ	Lượng NVL, VT nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NVL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	(12)
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	E11, E15.  Nhập không làm thủ tục hải quan.  Nhập lại từ sản xuất.	B13	A42				
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Lượng cuối kỳ trước.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.						

# Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL (Gia công)

STT	Mã NVL, VT	Tên NVL, VT	Đơn vị tính	Lượng NVL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NVL, VT nhập trong kỳ	Lượng NVL, VT nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NVL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	(12)
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	E21, E23 Nhập lại từ sản xuất, gia công.	B13, E54	A42				
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Lượng cuối kỳ trước.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.						

# Mẫu số 15/BCQT-NVL/GSQL (Gia công - DNCX)

STT	Mã NVL, VT	Tên NVL, VT	Đơn vị tính	Lượng NVL, VT tồn kho đầu kỳ	Lượng NVL, VT nhập trong kỳ	Lượng NVL, VT nhập khẩu xuất kho trong kỳ				Lượng NVL, VT nhập khẩu tồn kho cuối kỳ	Ghi chú
						Tái xuất	Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa, tiêu hủy	Xuất kho để sản xuất	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (5)+(6)-(7)-(8)-(9)-(10)	(12)
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	E11, E15, E23 Nhập lại từ sản xuất, gia công.  Nhập không làm thủ tục HQ.  Nhập lại kho từ sản xuất.	B13, E54	A42				
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Lượng cuối kỳ trước.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.						

# Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL (SXXK)

STT	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Ghi chú	
						Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)	(11)	
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	Lấy thông tin theo sổ sách kế toán bao gồm tờ khai A31.	A42	E62				
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.							

# Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL (SXXK - DNCX)

STT	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Ghi chú
						Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)	(11)
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	Lấy thông tin theo sổ sách kế toán bao gồm tờ khai A31.	A42	E42  Lượng xuất bán không mở tờ khai.			
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.						

# Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL (Gia công)

STT	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Ghi chú	
						Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(5)+(6)-(7)-(8)-(9)	(11)	
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	Lấy thông tin theo sổ sách kế toán bao gồm tờ khai A31.	A42	E52 E56				
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.							

# Mẫu số 15a/BCQT-SP/GSQL (Gia công - DNCX)

STT	Mã sản phẩm xuất khẩu	Tên sản phẩm xuất khẩu	Đơn vị tính	Lượng sản phẩm tồn kho đầu kỳ	Lượng sản phẩm nhập kho trong kỳ	Lượng sản phẩm xuất kho trong kỳ			Lượng sản phẩm tồn kho cuối kỳ theo sổ sách theo dõi	Ghi chú
						Chuyển mục đích sử dụng, tiêu thụ nội địa	Lượng sản phẩm xuất khẩu	Xuất kho khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (5)+(6)-(7)-(8)-(9)	(11)
	Mã khai báo trên tờ khai.	Tên giống tên đã khai trên tờ khai.	Đơn vị tính trên tờ khai.	Tồn cuối kỳ trước chuyển sang.	Lấy thông tin theo sổ sách kế toán bao gồm tờ khai A31	A42	E42  Lượng xuất bán không mở tờ khai.			
	Mã NVL theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Tên theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Đơn vị theo hệ thống quản trị cùng bảng quy đổi.	Theo chi tiết Nhập – Xuất – Tồn ghi nhận bởi hệ thống kế toán.						

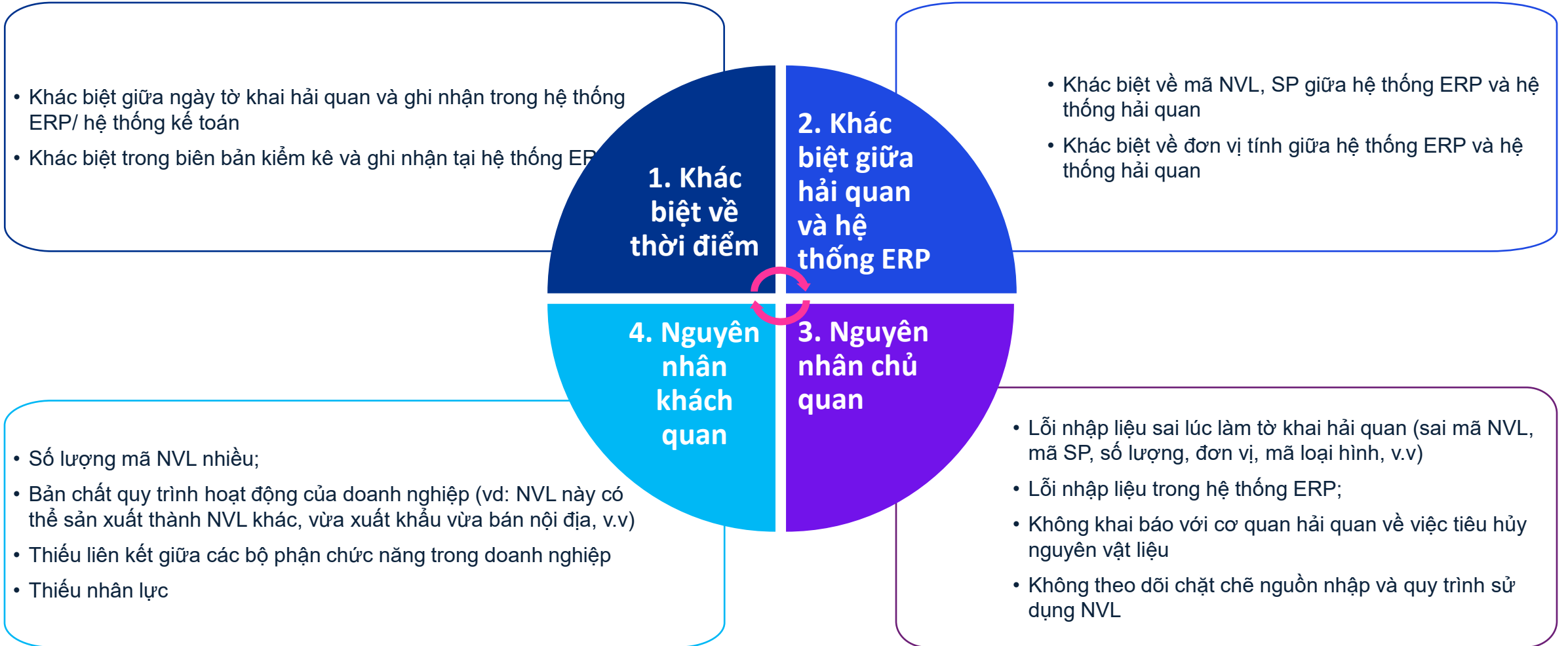


ONDEMAND

05

# Khó khăn và vấn đề thường gặp

# Khó khăn và vấn đề thường gặp

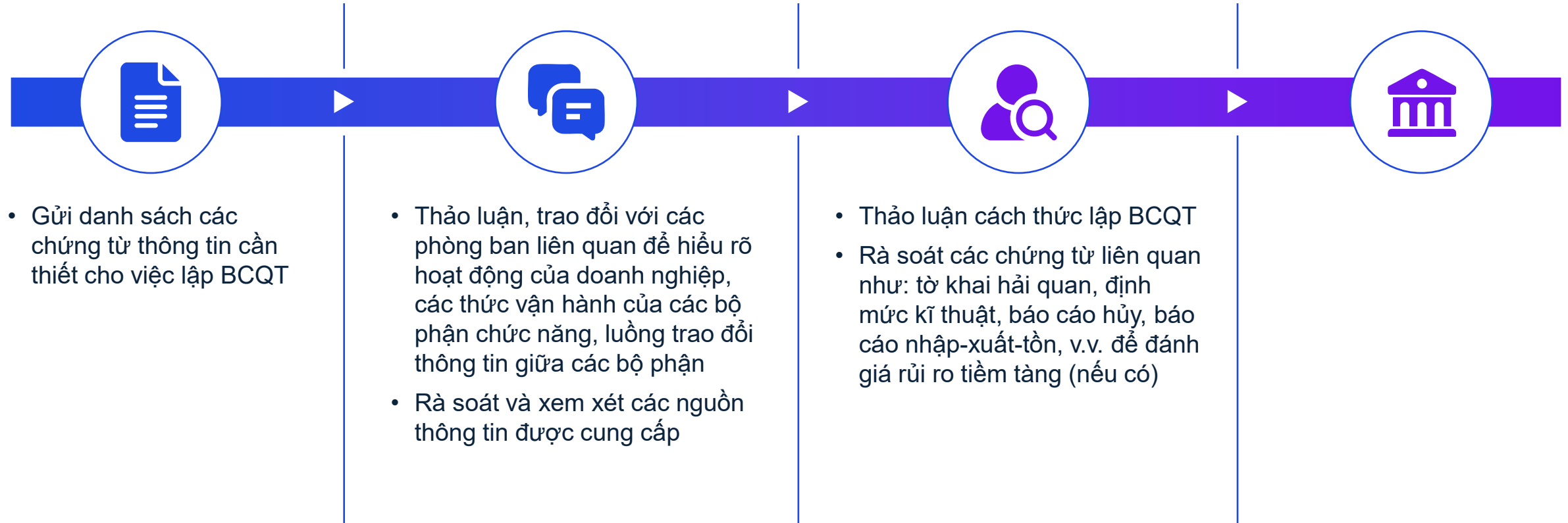




ONDEMAND

# Hỗ trợ của KPMG cho doanh nghiệp

# Những hỗ trợ của KPMG cho Doanh nghiệp





ONDEMAND

# Liên hệ với chúng tôi

Email: [info@kpmg.com.vn](mailto:info@kpmg.com.vn)



## Vương Quang Thuận

Giám Đốc  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



## Nguyễn Nhật Linh

Giám Đốc  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



## Đào Thị Hồng Thắm

Trưởng phòng  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



## Lưu Diệu Linh

Trưởng phòng  
Dịch vụ Thương mại & Hải quan  
KPMG Việt Nam



Quét mã QR để truy cập website: [kpmg.com.vn](http://kpmg.com.vn)

Một vài hoặc tất cả các dịch vụ được miêu tả trong tài liệu này có thể sẽ không được phép cung cấp cho khách hàng kiểm toán của KPMG và các công ty liên kết hoặc các công ty liên quan của các khách hàng đó.

Mọi thông tin trong tài liệu này đều là thông tin chung và không nhằm mục đích cung cấp tư vấn cho trường hợp cụ thể của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Mặc dù chúng tôi cố gắng cung cấp thông tin chính xác và cập nhật nhất một cách có thể, chúng tôi không thể đảm bảo rằng những thông tin này còn chính xác lúc người đọc nhận được hoặc sẽ duy trì tính chính xác này trong tương lai. Bất cứ ai cũng không nên quyết định hành động dựa trên những thông tin trong tài liệu này nếu không có sự tư vấn phù hợp từ các chuyên gia sau khi xem xét từng tình huống cụ thể.

Tên và biểu tượng KPMG là nhãn hiệu thương mại được cấp phép sử dụng cho các công ty thành viên độc lập của tổ chức các công ty KPMG toàn cầu.

© 2025 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

Phân loại tài liệu: Công khai